

Phụ lục VI
KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU ĐỢT 3
Dự án thành phần: Tăng cường năng lực khoa học công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực
phục vụ tái cơ cấu nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới
Dự án: Nâng cao chất lượng giáo dục đại học (vay vốn WB)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNN-XD ngày tháng năm của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)

STT	Số hiệu gói thầu	Tên gói thầu	Giá gói thầu		Nguồn vốn	Hình thức LCNT	Phương thức LCNT	Thời gian dự kiến bắt đầu tổ chức LCNT	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
			VND (nghìn đồng)	USD tương đương (*)						
1	II.8	Lập HSMT, đánh giá HSDT cho các gói thầu VNUA-CW01-01, VNUA-CW01-02, VNUA-CW01-03 và VNUA-CW02	270.428	12.326	Theo quy định tại Hiệp định	Chi định thầu (quy trình rút gọn)		Quý IV/2019	Trọn gói	Theo tiến độ huy động các gói thầu xây lắp
2	VNUA-CW01-01	Xây dựng giảng đường lớn GD2	137.906.908	6.285.925		Đấu thầu rộng rãi trong nước (qua mạng)	01 giai đoạn 01 túi hồ sơ	Quý IV/2019	Đơn giá cố định	24 tháng
3	VNUA-CW01-02	Xây dựng nhà phục vụ đào tạo và thực hành Cơ điện, Môi trường, Công nghệ sinh học và Công nghệ thực phẩm	98.313.927	4.481.240		Đấu thầu rộng rãi trong nước (qua mạng)	01 giai đoạn 01 túi hồ sơ	Quý IV/2019	Đơn giá cố định	18 tháng
4	VNUA-CW01-03	Xây dựng Trung tâm Nghiên cứu Nông nghiệp & Khoa học sự sống	59.079.586	2.692.902		Đấu thầu rộng rãi trong nước (qua mạng)	01 giai đoạn 01 túi hồ sơ	Quý IV/2019	Đơn giá cố định	24 tháng
5	VNUA-CW02	Xây dựng các tuyến đường giao thông nội bộ	121.707.606	5.547.546		Đấu thầu rộng rãi trong nước (qua mạng)	01 giai đoạn 01 túi hồ sơ	Quý IV/2019	Đơn giá cố định	24 tháng
6	II.10	Tư vấn giám sát thi công xây lắp các gói thầu VNUA-CW01-01, VNUA-CW01-02, VNUA-CW01-03 và VNUA-CW02	5.489.279	250.206		Đấu thầu rộng rãi trong nước (qua mạng)	01 giai đoạn 02 túi hồ sơ	Quý IV/2019	Trọn gói	Theo tiến độ các gói thầu xây lắp
7	II.12	Bảo hiểm công trình các gói thầu VNUA-CW01-01, VNUA-CW01-02, VNUA-CW01-03 và VNUA-CW02	499.816	22.782		Chi định thầu (quy trình rút gọn)		Quý IV/2019- Quý I/2020	Trọn gói	Theo tiến độ các gói thầu xây dựng
8	VNUA-CS01	Kiểm toán độc lập	2.445.600	111.473		CQS (**)	01 giai đoạn 01 túi hồ sơ	Quý IV/2019- Quý I/2020	Trọn gói	Theo tiến độ dự án
9	I.3.2	Thẩm định giá thiết bị phục vụ đấu thầu	470.100	21.428		Chi định thầu (quy trình rút gọn)		Quý IV/2019- Quý I/2020	Trọn gói	Theo tiến độ huy động các gói thầu thiết bị
10	II.9	Lập HSMT, đánh giá HSDT cho các gói thầu mua sắm thiết bị	367.900	16.769		Chi định thầu (quy trình rút gọn)		Quý IV/2019- Quý I/2020	Trọn gói	Theo tiến độ huy động các gói thầu thiết bị
TỔNG CỘNG			426.551.150	19.442.597						

(*) Tỷ giá quy đổi: 1 USD = 21.939 VND (theo Quyết định phê duyệt dự án thành phần số 1027/QĐ-BNN-HTQT ngày 28/3/2017).

(**) CQS: Tuyển chọn dựa trên năng lực của tư vấn.